

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đàm Huyền T, sinh năm 1994; ĐKKHKT: thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Ở hiện nay: thôn L, xã H, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1991; trú tại thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

*-Người làm chứng:*

+ Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1956.

Trú quán: thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vắng mặt ông T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đàm Huyền T trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 07/10/2019. Sau khi kết hôn, chị và anh L sinh sống ở quê chồng và đi làm ăn nhiều nơi, sau đó về kinh doanh, sinh sống tại thôn T, xã Đ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, bên cạnh đó anh L không tu chí lo cho

cuộc sống vợ chồng và mẹ con chị. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên từ tháng 12/2021, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, mặc dù anh L có lên thăm, nhiều lần trao đổi đón mẹ con chị về đoàn tụ nhưng chị cương quyết không về vì không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thiên H, sinh ngày 29/10/2019, hiện đang ở với chị. Chị xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị mở quán Spa làm tự do, mức thu nhập trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:*

+ Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn giống như chị T đã trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng về ở cùng với bố mẹ anh ở cùng thôn và thuê nhà ở xã Đ, huyện Ninh Giang làm ăn, sinh sống. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như trong công việc làm ăn hàng ngày, thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau. Đến tháng 12/2021, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống, anh có lên thăm con và tìm đón mẹ con chị T về nhưng chị T cương quyết không về. Tết nguyên đán năm 2022, chị T có đưa con về chơi, hai vợ chồng cũng đã nói chuyện hòa thuận vui vẻ với nhau, chị T ở nhà được hơn mười ngày thì hai vợ chồng lại không thống nhất được với nhau về công việc, chị T giận dữ đưa con về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng tiếp tục ly thân. Anh xác định vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ, anh mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy chị T xin ly hôn, anh không đồng ý, trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T đã trình bày là đúng, cháu tên là Phạm Thiên H, sinh ngày 29/10/2019 hiện đang ở với chị T. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh cũng nhất trí.

+ Về tài sản chung, nợ chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả làm việc với ông Phạm Văn T (bố đẻ anh L) xác định: về thời gian và điều kiện kết hôn như anh chị đã trình bày là đúng. Trước khi anh chị lấy nhau, anh L đã có một đời vợ và có một con nhưng đã ly hôn, con chung ở với anh L. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng với ông bà và thuê cửa hàng làm ăn, chị T làm Spa, anh L sửa chữa buôn bán điện thoại. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn từ công việc, cụ thể chị T liên tục yêu cầu anh L phải thay đổi địa điểm kinh doanh, lúc ở huyện Tứ Kỳ, lúc thì lên TP Hà Nội nhưng cũng không có hiệu quả, chị T tiếp tục yêu cầu anh L về quê chị T ở tỉnh Thái Nguyên sinh sống làm ăn. Tuy nhiên anh L không đáp ứng được vì nghề nghiệp của anh trên đó không làm ăn được

và anh còn có một đứa con riêng. Từ đó chị T bức tức đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Mặc dù đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng chị T cương quyết không về đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn, là bậc cha mẹ ai cũng mong muốn các con mình hạnh phúc, ông mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Vợ chồng có một con chung đang ở với chị T, trường hợp vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Ông Đàm Quang H và bà Trần Thị H (bố mẹ đẻ chị T) xác định: chị T, anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng với bố mẹ chồng, quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, anh L không tu chí làm ăn không quan tâm gì đến vợ con, sau đó chị T về nhà ông bà ở cho đến nay. Ông bà cũng đã động viên, khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không về đoàn tụ. Là bậc cha mẹ ai cũng mong muốn con mình hạnh phúc, tuy nhiên vợ chồng chị T, anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể ở được với nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh L để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Trường hợp Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng, vợ chồng ông sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở, sinh hoạt và hỗ trợ chị T chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã H, đại diện cán bộ lao động thương binh xã hội và Trưởng thôn Đ đều được cung cấp: về thời gian và điều kiện kết hôn của anh L, chị T đúng như các đương sự đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại gia đình anh L ở thôn Đ, xã H một thời gian ngắn lại tiếp tục đi thuê nhà làm ăn kinh doanh, do đó quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm bắt được. Chỉ biết từ tháng 12/2021, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thái Nguyên sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vợ chồng có 01 con chung như các đương sự đã trình bày và hiện con chung đang ở với chị T. Do cháu còn quá nhỏ nên đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L và xin được nuôi dưỡng con chung như đã trình bày. Anh L có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 14/6/2022 và đề nghị trường hợp tại phiên tòa ngày 27/6/2022, anh không đến được thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đàm Huyền T ly hôn anh Phạm Văn L; Về con chung: Giao cho chị Đàm Huyền T được nuôi dưỡng con chung Phạm Thiên H, sinh ngày 29/10/2019 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng

nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Đàm Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đàm Huyền T đã được Toà án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn L có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 14/6/2022 và đề nghị trường hợp tại phiên tòa ngày 27/6/2022, anh không đến được thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Đàm Huyền T và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 07/10/2019 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, đặc biệt là trong công việc, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau. Theo chị T xác định, anh L đã có một đời vợ và có con riêng nhưng không tu chí làm ăn, không quan tâm đến mẹ con chị; còn theo anh L và gia đình anh L, chị T liên tục đưa ra các yêu cầu thay đổi về công việc theo ý mình, anh L cũng không đáp ứng được. Từ tháng 12/2021, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, lời khai của anh L phù hợp với lời khai của chị T và đại diện hai bên gia đình cũng như biên bản làm việc giữa Toà án với trưởng thôn H và đại diện các đoàn thể xã H. Mặc dù nguyện vọng của anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ là chính đáng và Toà án cũng đã kiên trì hoà giải nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Thực tế từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, anh L cũng không có giải pháp nào dàn xếp chuyện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thiên H, sinh ngày 29/10/2019 hiện đang ở với chị T. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị T thấy rằng, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Hiện cháu H mới được hơn hai tuổi, vẫn còn nhỏ và cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, chị T làm tự do, có thu nhập và không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, anh L cũng nhất trí giao con cho chị T nuôi dưỡng. Bố mẹ chị T cũng

cam kết tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt và hỗ trợ chị T trong việc nuôi con với những điều kiện tốt nhất, đại diện lãnh đạo UBND xã H và các đoàn thể địa phương cũng xác định do cháu H còn nhỏ đề nghị giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị T được nuôi dưỡng con chung Phạm Thiên H, sinh ngày 29/10/2019 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đàm Huyền T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Đàm Huyền T được ly hôn anh Phạm Văn L

**2. Về con chung:** Giao cho chị Đàm Huyền T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Thiên H, sinh ngày 29/10/2019 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Đàm Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004408 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Quân**